

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - Kỳ kiểm tra: 14/1/2018
(Kèm theo Quyết định số 238.../QĐ-LTT-TTĐT ngày 23.../3.../2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh
về việc cấp chứng chỉ tiếng Anh trình độ B)

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
1	BK120001	15002265	Nguyễn Thị Duyên An	14/09/1997	6,5	7,0	5,0	6,5	Trung bình
2	BK120173	15001538	Lê Ngọc An	25/4/1997	6,0	6,5	4,0	5,5	Trung bình
3	BK120174	15001255	Lê Văn An	20/02/1997	5,0	6,0	4,0	5,0	Trung bình
4	BK120175	15000375	Phạm Nguyễn Thái An	12/07/1996	5,0	6,0	4,0	5,0	Trung bình
5	BK120176	15002084	Lương Hồng Thiên Ân	20/03/1997	5,0	6,0	4,0	5,0	Trung bình
6	BK120177	15000764	Nguyễn Chung Thiên Ân	16/02/1997	6,0	7,0	6,0	6,5	Trung bình
7	BK120003	15000787	Nguyễn Hoàng Anh	09/07/1996	5,5	4,5	5,0	5,0	Trung bình
8	BK120004	15002955	Nông Trung Anh	17/02/1994	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
9	BK120005	14000484	Thái Nhật Anh	03/07/1995	5,5	8,5	7,0	6,5	Trung bình
10	BK120006	15002662	Võ Ngọc Anh	09/08/1997	5,5	8,5	6,0	6,5	Trung bình
11	BK120178	15001298	Liêu Nguyễn Tiến Bảo	27/09/1997	6,0	7,0	5,0	6,0	Trung bình
12	BK120007	15001907	Nguyễn Thị Ngọc Bích	04/01/1997	5,0	8,0	6,0	6,0	Trung bình
13	BK120008	14001039	Thới Huy Biên	23/11/1993	4,5	5,0	5,0	5,0	Trung bình
14	BK120179	15001021	Nguyễn Văn Chánh	24/01/1997	6,0	7,5	4,0	6,0	Trung bình



Handwritten signature

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
15	BK120180	15003122	Phạm Kim Chi	15/04/1997	5,5	5,0	6,0	5,5	Trung bình
16	BK120010	15002617	Hà Long Chí	01/04/1996	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
17	BK120011	15000627	Nguyễn Văn Chí	09/11/1997	5,5	5,5	5,0	5,5	Trung bình
18	BK120012	15001325	Trần Minh Chiến	17/03/1997	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
19	BK120013	15002507	Trần Thị Chung	03/03/1996	6,0	8,5	5,0	6,5	Trung bình
20	BK120181	15001051	Trương Ngọc Chung	16/11/1997	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
21	BK120014	15001605	Trần Thị Ngọc Cúc	15/03/1995	6,0	8,5	6,0	6,5	Trung bình
22	BK120015	15001189	Phạm Thị Kim Cương	17/10/1997	7,0	8,5	7,0	7,5	Khá
23	BK120016	15001013	Nguyễn Quốc Cường	26/06/1997	6,5	8,5	7,0	7,0	Khá
24	BK120017	15002659	Nguyễn Quốc Cường	15/09/1997	7,0	8,5	7,0	7,5	Khá
25	BK120182	15002514	La Quốc Cường	06/11/1997	5,5	5,5	4,0	5,0	Trung bình
26	BK120183	15001232	Ngô Quốc Cường	10/09/1996	5,5	5,5	3,0	5,0	Trung bình
27	BK120184	14000428	Trịnh Mạnh Cường	06/11/1996	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
28	BK120018	14000874	Võ Hoàng Đại	11/02/1996	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
29	BK120185	15003292	Nguyễn Quan Đại	23/03/1995	7,5	7,5	4,0	6,5	Trung bình
30	BK120019	15002228	Nguyễn Tuyền Đăng	12/12/1997	6,5	7,5	6,0	6,5	Trung bình
31	BK120020	14000817	Phạm Công Danh	06/12/1996	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
32	BK120021	15002472	Nguyễn Đức Đạt	09/04/1995	6,5	8,0	4,0	6,5	Trung bình
33	BK120022	15001393	Nguyễn Thành Đạt	23/03/1997	6,0	9,0	5,0	6,5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
34	BK120023	15002067	Nguyễn Thành Đạt	10/10/1997	7,5	8,5	4,0	7,0	Khá
35	BK120024	15003384	Nguyễn Thành Đạt	09/07/1997	5,5	8,5	5,5	6,5	Trung bình
36	BK120026	15000746	Võ Quốc Đạt	03/07/1997	6,5	9,0	4,0	6,5	Trung bình
37	BK120186	15003015	Trần Văn Đạt	10/06/1997	6,0	8,5	5,0	6,5	Trung bình
38	BK120027	15002881	Kim Ngọc Xi Đene	09/02/1996	6,0	8,5	4,5	6,5	Trung bình
39	BK120028	15001982	Đỗ Thị Thúy Diễm	15/05/1997	7,0	7,5	6,0	7,0	Khá
40	BK120029	15001250	Trần Thị Diệu	21/08/1997	7,0	7,5	5,0	6,5	Trung bình
41	BK120187	14000429	Nguyễn Thanh Dư	25/10/1995	5,5	7,5	4,0	5,5	Trung bình
42	BK120188	15002487	Trần Văn Đức	10/11/1997	5,0	6,0	4,0	5,0	Trung bình
43	BK120030	15001872	Đỗ Quốc Dũng	07/09/1995	7,0	7,5	6,0	7,0	Khá
44	BK120031	15000806	Lâm Thái Dương	26/08/1997	7,0	7,5	7,0	7,0	Khá
45	BK120032	15000705	Phan Tiến Dương	08/04/1997	7,0	7,5	6,0	7,0	Khá
46	BK120189	15001556	Nguyễn Thành Dương	06/10/1996	5,0	6,0	3,0	5,0	Trung bình
47	BK120033	15001170	Hoàng Mạnh Duy	28/04/1997	6,0	7,5	4,0	6,0	Trung bình
48	BK120034	15000656	Huỳnh Nhật Duy	21/11/1997	6,5	8,0	5,0	6,5	Trung bình
49	BK120035	15000650	Nguyễn Đình Duy	07/03/1995	5,5	8,0	4,0	6,0	Trung bình
50	BK120037	15000770	Nguyễn Thanh Duy	28/08/1997	7,0	8,0	4,0	6,5	Trung bình
51	BK120193	15000532	Trần Thiệu Duy	24/08/1997	4,0	6,5	6,0	5,0	Trung bình
52	BK120194	15002117	Trần Tuấn Duy	15/11/1997	6,0	7,5	6,0	6,5	Trung bình

H. TH
 TRU
 CAO
 TỰ
 THÀNH
 CHỈ

nd

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
53	BK120038	15002701	Phạm Thị Gái	10/12/1995	6,0	7,5	4,0	6,0	Trung bình
54	BK120039	14000434	Nguyễn Văn Giàu	20/09/1996	6,5	7,0	4,0	6,0	Trung bình
55	BK120040	15001793	Nguyễn Thị Bé Hà	15/11/1996	6,0	7,5	4,0	6,0	Trung bình
56	BK120195	15003117	Quảng Thanh Hà	09/04/1997	6,0	7,5	5,0	6,0	Trung bình
57	BK120196	15001384	Văn Thị Hà	01/07/1997	5,5	7,0	5,0	6,0	Trung bình
58	BK120041	15002354	Phạm Thanh Hải	07/07/1997	6,0	7,5	8,0	7,0	Khá
59	BK120042	15002535	Trương Hồng Hải	26/01/1994	5,5	7,5	7,0	6,5	Trung bình
60	BK120197	15001009	Nguyễn Văn Hải	24/10/1997	5,5	7,5	7,0	6,5	Trung bình
61	BK120266	15001413	Nguyễn Văn Hải	29/09/1997	5,0	7,5	4,0	5,5	Trung bình
62	BK120044	15002734	Trần Thị Mỹ Hằng	11/04/1997	4,5	4,0	8,0	5,5	Trung bình
63	BK120198	15002462	Trần Nhật Hào	24/06/1997	7,0	8,0	5,0	7,0	Khá
64	BK120046	15000560	Trần Đức Hiệp	30/06/1997	4,5	5,0	5,0	5,0	Trung bình
65	BK120047	15001375	Võ Đoàn Hiệp	07/08/1997	4,0	5,0	6,0	5,0	Trung bình
66	BK120201	15002490	Phạm Đức Hòa	13/10/1996	4,5	5,0	7,0	5,5	Trung bình
67	BK120050	15000515	Trương Khải Hoàn	01/10/1996	4,0	4,0	7,0	5,0	Trung bình
68	BK120202	15001065	Tổng Khải Hoàn	02/09/1995	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
69	BK120203	15001054	Võ Tuấn Hoàng	25/09/1997	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
70	BK120204	15001026	Nguyễn Thanh Hưng	29/11/1995	6,0	7,5	7,0	6,5	Trung bình
71	BK120056	15001824	Võ Thị Thu Hương	22/06/1997	5,0	4,0	5,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
72	BK120205	15001084	Nguyễn Quang	Hữu	16/10/1995	6,5	7,5	6,0	6,5	Trung bình
73	BK120057	15001880	Trần Tuấn	Huy	25/04/1997	5,0	4,0	6,0	5,0	Trung bình
74	BK120207	15000485	Nguyễn Quốc	Huy	20/10/1997	3,5	8,0	6,0	5,5	Trung bình
75	BK120208	15002372	Liu Kiệt	Khả	13/07/1997	4,5	7,5	6,0	5,5	Trung bình
76	BK120058	15003232	Thái Quang	Khải	01/08/1996	5,0	4,0	7,0	5,5	Trung bình
77	BK120059	15000630	Nguyễn Phạm An	Khang	27/11/1997	5,5	5,0	5,0	5,5	Trung bình
78	BK120060	15002174	Nguyễn Thành	Khang	26/12/1995	5,5	5,0	7,0	6,0	Trung bình
79	BK120209	15001997	Nguyễn Trí	Khang	24/04/1997	4,5	6,5	5,0	5,0	Trung bình
80	BK120210	15002160	Võ Minh	Khang	04/11/1997	6,0	7,5	6,0	6,5	Trung bình
81	BK120061	15001949	Nguyễn Đình	Khanh	03/12/1997	5,0	6,0	4,0	5,0	Trung bình
82	BK120062	15002937	Nguyễn Hoàng	Khánh	01/01/1997	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
83	BK120063	15002551	Trần Duy	Khánh	13/12/1996	5,0	5,5	4,0	5,0	Trung bình
84	BK120211	15003084	Trần Đăng	Khoa	18/07/1997	5,5	5,0	5,0	5,5	Trung bình
85	BK120212	15001039	Bùi Trung	Kiên	11/07/1997	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
86	BK120213	15002155	Ngô Hoàng	Kiên	27/01/1997	6,0	7,5	7,0	6,5	Trung bình
87	BK120214	15000812	Phan Vũ	Kiệt	07/11/1997	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
88	BK120215	15002663	Trần Văn	Lâm	04/10/1997	6,5	7,5	6,0	6,5	Trung bình
89	BK120066	15001319	Huỳnh Tấn	Lân	28/02/1997	4,0	5,0	7,0	5,0	Trung bình
90	BK120067	15002520	Huỳnh Gia	Lập	10/10/1997	4,0	6,5	5,0	5,0	Trung bình

'H
 'G
 'NG
 'ONG
 'HO'
 'H
 HNH

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
91	BK120068	15002502	Trần Hoàng Liêm	31/08/1995	4,5	6,0	5,0	5,0	Trung bình
92	BK120216	15002919	Nông Thị Liễu	09/04/1997	7,0	9,5	7,0	7,5	Khá
93	BK120069	15003161	Hoàng Khánh Linh	12/07/1996	5,5	6,0	8,0	6,5	Trung bình
94	BK120217	15003082	Đinh Mỹ Linh	25/02/1996	8,0	10,0	8,0	8,5	Giỏi
95	BK120218	15002034	Lương Hồng Lĩnh	25/06/1996	5,0	9,5	6,0	6,5	Trung bình
96	BK120070	15001689	Trương Tấn Lộc	03/02/1997	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
97	BK120219	15001005	Nguyễn Phước Lộc	29/04/1997	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
98	BK120220	15001199	Lê Tấn Lợi	22/10/1996	5,5	7,5	7,0	6,5	Trung bình
99	BK120072	15003303	Lê Văn Bảo Long	18/04/1997	4,0	6,0	6,0	5,0	Trung bình
100	BK120073	15003185	Lê Vũ Đại Long	02/07/1997	4,5	5,5	6,0	5,0	Trung bình
101	BK120221	15000548	Huỳnh Bá Long	15/01/1997	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình
102	BK120075	15002464	Đinh Tấn Lực	27/08/1997	4,5	3,5	8,0	5,0	Trung bình
103	BK120077	15002918	Hoàng Thị Mai	18/06/1997	4,5	4,0	8,0	5,5	Trung bình
104	BK120079	15002995	Bùi Quang Minh	12/08/1997	4,5	4,0	8,0	5,5	Trung bình
105	BK120080	15000703	Ngô Quang Minh	15/09/1997	5,0	4,0	8,0	5,5	Trung bình
106	BK120081	15000534	Nguyễn Lê Trung Minh	09/03/1996	6,5	4,5	5,0	5,5	Trung bình
107	BK120082	15001582	Phạm Thanh Minh	24/09/1997	6,5	5,0	6,0	6,0	Trung bình
108	BK120083	15002435	Vương Krông Hồng Minh	24/04/1997	6,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình
109	BK120222	15001206	Trần Nhật Minh	22/10/1997	7,0	7,5	4,0	6,5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
110	BK120084	15002849	Nguyễn Thị Mơ	24/04/1997	7,0	5,5	5,0	6,0	Trung bình
111	BK120085	15000644	Tô Vinh Mười	16/06/1997	7,0	6,0	4,0	6,0	Trung bình
112	BK120086	15002434	Quách Ái Trâm My	20/09/1996	7,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình
113	BK120087	15000707	Võ Huỳnh Thị Trà My	16/07/1997	7,5	6,0	6,0	7,0	Khá
114	BK120088	15001859	Nguyễn Văn Nam	14/06/1997	7,0	5,5	4,0	6,0	Trung bình
115	BK120223	15000525	Phạm Hoài Nam	08/07/1997	7,0	7,5	6,0	7,0	Khá
116	BK120089	15002688	Trần Thị Ngà	28/08/1997	7,5	4,5	5,0	6,0	Trung bình
117	BK120091	15002418	Nguyễn Sỹ Trọng Nghĩa	17/03/1997	7,0	4,5	5,0	6,0	Trung bình
118	BK120092	15003166	Nguyễn Trọng Nghĩa	12/11/1997	7,5	4,5	4,0	6,0	Trung bình
119	BK120093	15002356	Đỗ Đức Nghiệp	17/03/1997	7,0	6,0	4,0	6,0	Trung bình
120	BK120094	15003341	Võ Thị Kim Ngoan	08/04/1997	7,0	4,5	5,0	6,0	Trung bình
121	BK120095	15001642	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	29/12/1997	7,0	4,5	5,0	6,0	Trung bình
122	BK120096	15002152	Trương Công Ngọc	28/07/1997	7,0	7,0	4,0	6,5	Trung bình
123	BK120224	15002097	Nguyễn Thị Bích Nguyễn	16/08/1994	7,5	7,5	7,0	7,5	Khá
124	BK120097	15001688	Nguyễn Văn Nhân	20/04/1995	7,5	5,0	4,0	6,0	Trung bình
125	BK120098	14000401	Nguyễn Đạt Nhất	24/07/1996	7,0	4,5	3,0	5,5	Trung bình
126	BK120099	15000881	Tổng Phước Nhật	11/01/1997	7,0	5,5	4,0	6,0	Trung bình
127	BK120225	15000613	Đoàn Thị Huỳnh Nhi	30/01/1997	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
128	BK120100	15003246	Phan Thời Nhiệm	12/06/1997	7,5	5,5	5,0	6,5	Trung bình

HỒ CHÍ MINH

Handwritten signature

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
129	BK120101	15002023	Nguyễn Thị Thanh Nhiên	22/11/1997	7,5	4,5	4,0	6,0	Trung bình
130	BK120102	15000892	Nguyễn Hoài Nhơn	26/06/1997	6,5	4,5	5,0	5,5	Trung bình
131	BK120226	15001784	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	25/09/1987	7,5	8,0	6,0	7,5	Khá
132	BK120227	15001705	Đạo Ri Nô	12/04/1996	7,5	7,5	4,0	6,5	Trung bình
133	BK120103	15000648	Trần Thị Mỹ Nương	27/04/1995	6,5	5,5	5,0	6,0	Trung bình
134	BK120104	15003171	Đỗ Thị Kim Oanh	10/11/1997	7,0	6,5	5,0	6,5	Trung bình
135	BK120105	15000706	Suốt Ra Phết	29/02/1996	6,5	5,0	5,0	6,0	Trung bình
136	BK120106	15000653	Đỗ Quốc Phong	20/12/1997	7,0	5,5	4,0	6,0	Trung bình
137	BK120108	13D201P056	Dương Thanh Phong	18/05/1994	7,0	4,5	5,0	6,0	Trung bình
138	BK120228	16003937	Đinh Hoàng Phúc	11/06/1994	4,5	8,0	7,0	6,0	Trung bình
139	BK120229	15000608	Đường Vinh Phúc	12/11/2000	6,5	9,0	8,0	7,5	Khá
140	BK120230	15002784	Lê Minh Phúc	15/07/1997	5,5	7,5	6,0	6,0	Trung bình
141	BK120109	15001957	Bùi Thị Thanh Phương	03/03/1997	6,5	5,5	4,0	5,5	Trung bình
142	BK120110	15002645	Lai Hùng Phương	08/10/1997	6,5	4,5	4,0	5,5	Trung bình
143	BK120111	13D2010161	Nguyễn Tuấn Phương	06/03/1995	6,5	4,5	4,0	5,5	Trung bình
144	BK120112	14000666	Phạm Hoài Phương	24/06/1996	7,0	5,5	5,0	6,0	Trung bình
145	BK120231	15000748	Nguyễn Đình Phương	22/11/1997	4,5	6,0	5,0	5,0	Trung bình
146	BK120232	15001310	Phan Thanh Phương	18/04/1997	4,0	6,0	5,0	5,0	Trung bình
147	BK120113	15003054	Hồ Thị Phương	07/02/1997	7,0	7,5	6,0	7,0	Khá

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
148	BK120114	15001734	Lê Thị Bích Phụng	25/07/1997	7,0	6,5	4,0	6,0	Trung bình
149	BK120263	13D2060043	Đặng Vinh Quan	16/02/1995	4,5	7,0	5,0	5,5	Trung bình
150	BK120115	15002547	Dương Nghĩa Quấn	25/02/1997	6,5	5,0	5,0	6,0	Trung bình
151	BK120116	15000596	Võ Duy Quang	02/08/1997	6,5	5,0	4,0	5,5	Trung bình
152	BK120117	15000642	Trần Anh Quý	27/09/1996	6,0	4,5	4,0	5,0	Trung bình
153	BK120118	15000721	Lê Văn Quốc	26/11/1997	6,5	3,5	5,0	5,5	Trung bình
154	BK120119	15003167	Nguyễn Thế Quyền	26/05/1997	6,0	4,0	4,0	5,0	Trung bình
155	BK120120	15002287	Nguyễn Thị Ngọc Quyền	12/11/1997	6,5	4,0	6,0	6,0	Trung bình
156	BK120121	15002607	Đàm Thị Ngọc Sang	09/04/1997	6,0	7,0	5,0	6,0	Trung bình
157	BK120122	14001156	Lê Thái Sang	15/07/1996	6,0	7,0	5,0	6,0	Trung bình
158	BK120234	15002916	Nguyễn Ngô Hoàng Sang	22/08/1997	6,0	5,0	8,0	6,5	Trung bình
159	BK120123	15001214	Lê Hữu Sơn	03/05/1997	6,0	7,0	4,0	6,0	Trung bình
160	BK120265	15003144	Nguyễn Hồng Sơn	20/12/1997	6,0	8,5	6,5	7,0	Khá
161	BK120124	15000972	Hàng Tuyết Sương	19/12/1997	5,0	8,0	6,0	6,0	Trung bình
162	BK120125	15003101	Phan Thị Thu Sương	05/05/1997	5,5	8,5	5,0	6,0	Trung bình
163	BK120126	15001185	Nguyễn Hữu Tài	10/06/1997	5,5	8,5	4,0	6,0	Trung bình
164	BK120235	15000414	Đinh Phước Tài	19/01/1997	7,0	4,5	8,0	6,5	Trung bình
165	BK120236	15002843	Nguyễn Hữu Tài	19/12/1997	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình
166	BK120127	15001971	Lâm Hoàng Tâm	26/10/1997	5,0	6,5	5,0	5,5	Trung bình



Handwritten signature

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
167	BK120128	15002114	Nguyễn Thu Tâm	15/10/1997	6,0	7,5	4,0	6,0	Trung bình
168	BK120237	15002028	Dương Minh Tâm	31/05/1996	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
169	BK120129	15000483	Nguyễn Duy Tân	05/09/1997	6,0	8,0	4,0	6,0	Trung bình
170	BK120130	15003014	Nguyễn Hoàng Tân	27/07/1997	6,5	6,0	7,0	6,5	Trung bình
171	BK120238	15000475	Ngô Trí Tân	19/10/1997	5,5	5,5	8,0	6,0	Trung bình
172	BK120131	15000758	Lâm Trọng Tấn	28/12/1996	4,5	6,0	5,0	5,0	Trung bình
173	BK120267	15001295	Nguyễn Chánh Tấn	25/08/1997	5,0	7,5	3,0	5,0	Trung bình
174	BK120132	15002840	Nguyễn Quốc Thái	16/02/1997	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
175	BK120239	15001561	Trần Thị Hồng Thắm	14/02/1997	4,0	7,0	6,0	5,5	Trung bình
176	BK120133		Nguyễn Đức Hà Thắng	12/08/1992	6,5	7,0	8,0	7,0	Khá
177	BK120240	14001075	Nguyễn Văn Thắng	14/12/1995	5,0	7,5	6,0	6,0	Trung bình
178	BK120134	15002932	Trần Thị Ngọc Thanh	02/10/1997	7,0	7,5	4,0	6,5	Trung bình
179	BK120135	15002811	Mai Văn Thành	08/12/1997	5,5	6,0	3,0	5,0	Trung bình
180	BK120136	15001914	Phạm Tấn Thành	08/05/1997	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
181	BK120137	15003173	Nguyễn Thị Thu Thảo	26/09/1997	6,0	8,0	5,0	6,5	Trung bình
182	BK120138	15003174	Trần Lê Kim Thảo	28/05/1997	3,5	7,5	6,0	5,0	Trung bình
183	BK120139	15002259	Trần Thanh Thiện	18/11/1997	4,0	8,5	4,0	5,0	Trung bình
184	BK120140	15002959	Nguyễn Xuân Thịnh	12/12/1997	6,5	8,5	5,0	6,5	Trung bình
185	BK120242	15002335	Nguyễn Đức Thọ	18/01/1997	5,0	7,5	3,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
186	BK120141	15001290	Nguyễn Thanh Thủ	06/04/1997	5,0	6,5	9,0	6,5	Trung bình
187	BK120142	15002920	Trần Minh Thuận	21/05/1997	6,0	6,0	7,0	6,5	Trung bình
188	BK120143	15000408	Lê Thị Hoài Thương	29/07/1996	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
189	BK120144	15002907	Lê Thị Nguyên Thương	12/10/1997	5,5	5,5	7,0	6,0	Trung bình
190	BK120145	15003541	Phạm Văn Thương	02/05/1995	7,0	7,5	5,0	6,5	Trung bình
191	BK120146	15000991	Trần Minh Thương	25/09/1997	6,5	8,0	5,0	6,5	Trung bình
192	BK120147	15001844	Trần Ngọc Thương	25/09/1997	4,5	5,0	9,0	6,0	Trung bình
193	BK120244	15002351	Tất Minh Thương	24/04/1997	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
194	BK120148	15002190	Trần Viết Thường	05/09/1996	6,0	8,0	8,0	7,0	Khá
195	BK120149	15000522	Lê Thị Thu Thủy	06/10/1997	6,0	8,0	5,0	6,5	Trung bình
196	BK120150	14001079	Võ Văn Tiến	12/06/1996	6,5	8,0	5,0	6,5	Trung bình
197	BK120245	15003112	Huỳnh Nhật Tiến	26/02/1997	5,5	7,0	5,0	6,0	Trung bình
198	BK120246	15000428	Nguyễn Minh Tiến	13/12/1997	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
199	BK120247	15002952	Tạ Văn Tiến	22/02/1997	4,5	7,0	5,0	5,5	Trung bình
200	BK120152	15002217	Nguyễn Văn Tín	24/03/1997	6,0	8,0	9,0	7,5	Khá
201	BK120153	15002082	Phan Thế Tín	22/05/1993	5,5	7,5	8,0	6,5	Trung bình
202	BK120154	15002270	Trần Thiên Thương Tín	27/06/1997	6,5	8,0	5,0	6,5	Trung bình
203	BK120248	15000818	Hồng Song Toàn	03/09/1997	5,5	9,0	7,0	7,0	Khá
204	BK120250	15001352	Nguyễn Thị Huyền Trân	02/01/1995	4,5	6,5	5,5	5,5	Trung bình

THÀNH
HỘI
ĐẠI
TRƯỞNG
PHỐ
HÀ

20/11

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
205	BK120155	15001479	Đặng Minh Trí	07/04/1997	6,5	7,0	5,0	6,5	Trung bình
206	BK120156	15001978	Lê Minh Trí	25/10/1996	5,5	7,0	9,5	7,0	Khá
207	BK120251	15002917	Phạm Đức Trí	11/06/1997	6,5	7,5	7,5	7,0	Khá
208	BK120264	15003321	Lê Minh Trí	16/07/1997	4,5	8,5	5,5	6,0	Trung bình
209	BK120157	15000694	Trần Văn Triều	11/10/1997	6,0	7,5	6,5	6,5	Trung bình
210	BK120158	15002815	Nguyễn Quốc Triều	10/02/1997	6,5	8,0	7,0	7,0	Khá
211	BK120159	15003254	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	10/10/1996	6,5	7,5	4,0	6,0	Trung bình
212	BK120253	15002846	Dương Thị Diễm Trinh	27/01/1997	4,0	7,5	6,0	5,5	Trung bình
213	BK120160	15003290	Nguyễn Thị Phương Trúc	08/12/1996	6,5	8,0	5,0	6,5	Trung bình
214	BK120257	15003175	Mai Văn Trương	20/02/1997	5,5	7,5	3,0	5,5	Trung bình
215	BK120161	15002945	Châu Lê Nhật Trường	18/06/1997	6,0	4,0	7,0	6,0	Trung bình
216	BK120258	15001200	Huỳnh Quốc Trường	12/04/1997	5,0	5,5	5,0	5,0	Trung bình
217	BK120164	15000497	Nguyễn Hoàng Tuấn	02/11/1993	4,0	6,0	5,0	5,0	Trung bình
218	BK120259	15001192	Lê Anh Tuấn	23/11/1997	5,5	6,5	3,0	5,0	Trung bình
219	BK120260	15002864	Lê Hoàng Việt	06/11/1997	4,5	6,0	6,0	5,5	Trung bình
220	BK120167	15001417	Nguyễn Hữu Vũ	01/11/1997	6,5	5,5	4,0	5,5	Trung bình
221	BK120168	15002647	Nguyễn Phước Anh Vũ	13/10/1997	7,5	6,0	8,0	7,5	Khá
222	BK120169	15001808	Nguyễn Tấn Vũ	10/01/1996	5,5	6,0	7,0	6,0	Trung bình
223	BK120261	15000872	Nguyễn Thành Vũ	09/04/1997	4,5	6,5	6,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
224	BK120171	15001472	Nguyễn Kim Vương	09/03/1996	5,0	5,0	7,0	5,5	Trung bình
225	BK120172	15003038	Hồ Thị Mỹ Ý	14/12/1996	5,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình

Tổng cộng 225 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

